

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH, THỎA THUẬN VÀ THU HỘ

DÀNH CHO HS KHỐI: 10 NH 2022-2023 ĐVT: đồng

S T T	PHÂN LOẠI	CÁC KHOẢN THU	SỐ TIỀN	THU				
				TỪNG THÁNG		TỪNG HỌC KỲ		CẢ NĂM (9T)
				THÁNG 9	CÁC THÁNG TIẾP THEO	HỌC KỲ I (4 T)	HỌC KỲ II (5T)	
1	LỚP THƯỜNG	01.Học phí công lập/ tháng (qui định)	-	-	-	-	-	-
		02.Tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày (thỏa thuận)	250,000	250,000	250,000	1,000,000	1,250,000	2,250,000
		03.Anh văn bản ngữ (thỏa thuận)	200,000	200,000	200,000	800,000	1,000,000	1,800,000
		04. Lớp Học Stem (thỏa thuận)	180,000	180,000	180,000	720,000	900,000	1,620,000
		05.Trải nghiệm ngoại khóa (thu hộ)	100,000	100,000	100,000	400,000	500,000	900,000
		06.Giấy thi/năm (4 kỳ k.tra) (thu hộ)	50,000	50,000	-	50,000	-	50,000
		07.BHYT/12tháng (bắt buộc - thu hộ)	564,000	564,000	-	564,000	-	564,000
		08.BHTN/năm (tự nguyện - thu hộ)	30,000	30,000	-	30,000	-	30,000
		09.Hồ sơ học sinh/năm (thu hộ)	65,000	65,000	-	65,000	-	65,000
		10. Học liệu, học từ xa - K12 Online	100,000	100,000	-	100,000	-	100,000
		11.Tin nhắn điện tử(thu hộ)	60,000	60,000	-	60,000	-	60,000
		12.Nước uống (thu hộ)	10,000	10,000	10,000	40,000	50,000	90,000
TỔNG CỘNG				1,609,000	740,000	3,829,000	3,700,000	7,529,000
2	LỚP BÁN TRÚ	01.Học phí công lập/ tháng (qui định)	-	-	-	-	-	-
		02.Tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày (thỏa thuận)	250,000	250,000	250,000	1,000,000	1,250,000	2,250,000
		03.Anh văn bản ngữ (thỏa thuận)	200,000	200,000	200,000	800,000	1,000,000	1,800,000
		04. Lớp Học Stem (thỏa thuận)	180,000	180,000	180,000	720,000	900,000	1,620,000
		05.Trải nghiệm ngoại khóa(thu hộ)	100,000	100,000	100,000	400,000	500,000	900,000
		06.Giấy thi/năm (4 kỳ k.tra)(thu hộ)	50,000	50,000	-	50,000	-	50,000
		07.BHYT/12tháng (bắt buộc - thu hộ)	564,000	564,000	-	564,000	-	564,000
		08.BHTN/năm (tự nguyện - thu hộ)	30,000	30,000	-	30,000	-	30,000
		09.Hồ sơ học sinh/năm (thu hộ)	65,000	65,000	-	65,000	-	65,000
		10. Học liệu, học từ xa - K12 Online	100,000	100,000	-	100,000	-	100,000
		11.Tin nhắn điện tử (thu hộ)	60,000	60,000	-	60,000	-	60,000
		12.Nước uống (thu hộ)	10,000	10,000	10,000	40,000	50,000	90,000
		13. CSVC bán trú/năm (thu hộ)	200,000	200,000	-	200,000	-	200,000
		14.Q.lý,vệ sinh B.trú/tháng(thỏa thuận)	180,000	180,000	180,000	720,000	900,000	1,620,000
TỔNG CỘNG				1,989,000	920,000	4,749,000	4,600,000	9,349,000

*** Ghi chú:

1. Hồ sơ học sinh bao gồm:

- Phù hiệu : 08 cái * 3.000đ = 24.000 đ
- Học bạ : 01 quyển * 10.000đ = 10.000đ
- Khám sức khỏe học sinh = 20.000đ

- Sổ liên lạc : 01 quyển * 7.000đ = 7.000đ
- Thẻ học sinh : 01 thẻ * 4.000đ = 4.000đ

2. HS đóng Học phí theo tháng:

- Thời gian đóng từ **ngày 1 đến ngày 10** hàng tháng.

3. Ngoài ra Phụ huynh, HS có thể đóng học phí theo học kỳ hoặc cả năm học :

- HK I
- HK II
- Cả năm

4. Thu học phí : qua các kênh thu hộ: SSC, Momo, hoặc ngân hàng trực tuyến;

Phụ huynh đóng trực tiếp: từ thứ hai đến thứ sáu tại Phòng hành chính

- Buổi sáng: từ 8h00 đến 11h 00
- Buổi chiều: từ 14h00 đến 16h 00

Ngày 03 tháng 10 năm 2022



Đoàn Đình Đoàn